

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 29/5/2024

V/v: Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Ứng Cương

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn L (Cao Văn L1), sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Vào ngày 01-02-2023, anh Cao Văn L tên thường gọi là Cao Văn L1 có nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền 63.000.000 đồng để đưa cho 03 ngư phủ đi ghe, đánh bắt hải sản cho ông và anh L có làm cam kết nếu 03 ngư phủ không đi thì anh L sẽ trả tiền lại cho ông. Đến ngày ghe khởi hành để đi đánh bắt, khi ghe đi đến Sông Đốc thì 03 ngư phủ bỏ trốn nên ông có điện thoại báo cho anh L và yêu cầu anh L trả tiền lại cho ông, sau đó anh L có trả cho ông được số tiền 20.000.000 đồng, số tiền 3.000.000 đồng thì ông cho anh L. Còn lại số tiền 40.000.000 đồng,

anh L hứa sẽ trả lại cho ông. Sau đó, ông đến nhà anh L nhiều lần để yêu cầu trả số tiền 40.000.000 đồng nhưng anh L chỉ hứa hẹn mà đến nay không trả tiền cho ông.

Nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu anh Cao Văn L(L1) phải hoàn trả lại cho ông số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Bị đơn anh Cao Văn L(Cao Văn L1) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh L xác nhận là anh có nhận tiền của ông Nguyễn Văn H như nội dung ông H đã trình bày. Sau khi anh nhận tiền từ ông H xong, anh về giao tiền lại cho anh Nguyễn Văn M là chủ của 02 ngư phủ đi ghe cho ông H số tiền 40.000.000 đồng để anh M giao tiền lại cho 02 ngư phủ. Số tiền 20.000.000 đồng còn lại, anh đưa cho anh L3 để đưa cho 01 ngư phủ. Sau khi giao nhận tiền xong đến ngày ghe ông H đi đánh bắt thì anh mới biết là 03 ngư phủ không đi, anh không biết lý do tại sao vì anh chỉ đưa tiền cho anh M và anh L3, anh hoàn toàn không biết mặt 03 ngư phủ, không biết 03 ngư phủ là ai. Khi biết sự việc ngư phủ bỏ trốn, vài ngày sau anh L3 có đưa lại cho anh 20.000.000 đồng và anh đã đưa trực tiếp số tiền này lại cho ông H. Anh cũng đã nhiều lần yêu cầu anh M hoàn trả lại số tiền 40.000.000 đồng cho anh để anh trả lại cho ông H nhưng anh M cứ hẹn hết lần này đến lần khác mà đến nay vẫn chưa hoàn trả lại.

Nay với yêu cầu của ông H thì anh hẹn là đến khi nào anh lấy được số tiền 40.000.000 đồng từ anh M anh sẽ hoàn trả lại cho ông H.

Tại phiên tòa anh Cao Văn L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 10-8-2023 ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu anh Cao Văn L(Cao Văn L1) trả lại cho ông số tiền 40.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp đòi tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Cao Văn L không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H buộc anh Cao Văn L trả lại số tiền 40.000.000 đồng, Tòa án nhận thấy:

Vào ngày 01-02-2023, anh Cao Văn L có nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền 63.000.000 đồng để đưa cho 03 ngư phủ đi ghe, đánh bắt hải sản cho ông H và anh L có làm cam kết nếu 03 ngư phủ không đi thì anh L sẽ trả tiền lại cho ông. Sau đó, 03 ngư phủ bỏ trốn không đi ghe của ông H nữa nên ông H yêu cầu anh L trả tiền lại cho ông, anh L đã trả cho ông H được số tiền 20.000.000 đồng, ông H cho anh L 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 40.000.000 đồng anh L hứa trả lại cho ông H. Tại Tòa án anh L cũng thừa nhận có nhận của ông H số tiền 63.000.000 đồng và đưa lại cho anh M và anh L3 là chủ của 03 ngư phủ muốn đi ghe của ông H với số tiền 60.000.000 đồng. Khi các ngư phủ không đi ghe thì anh L đã trả lại cho ông H được 20.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng anh L hứa khi nào anh M trả tiền cho anh, anh sẽ trả lại cho ông H. Ông H không đồng ý với yêu cầu của anh L. Xét yêu cầu của anh L là khi nào anh M trả tiền cho anh thì anh sẽ trả lại cho ông H là không có căn cứ để chấp nhận, vì anh L là người trực tiếp nhận tiền của ông H thì anh L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H. Đối với việc anh L có đưa tiền cho anh M thì anh L có quyền khởi kiện thành một vụ án khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H; buộc anh Cao Văn L phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 40.000.000 đồng.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc anh Cao Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông H là: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng cho ông H theo biên lai thu số 0000954 ngày 11-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

2. Buộc anh Cao Văn L(Cao Văn L1) có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh L không trả số tiền trên thì còn phải trả cho ông H khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Văn L phải nộp án phí 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng cho ông H theo biên lai thu số 0000954 ngày 11-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân